TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08/4/2024.
V/v: Tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Nhơn.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Huỳnh Văn Hoàn**

Ông **Nguyễn Văn Tư.**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình hụ lý số 646/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Diễm M,** sinh năm 2001. Địa chỉ: ấp LP, xã MPT, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Trung N**, sinh năm 1999. Địa chỉ: ấp 2, xã TL, huyện CL, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 08/12/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Diễm M trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Trung N được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2020, có đăng ký kết hôn ngày 28/02/2023 tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện CL, tỉnh

Tiền Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cải nhau, không có tiếng nói chung. Anh N thường xuyên nhậu say về chửi vợ, không lo làm ăn để tạo kinh tế cho gia đình, mặc dù chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh N không sửa đổi. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung tên Phạm Gia H, sinh ngày 13/5/2023, hiện cháu H đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Phạm Trung N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên anh N không cung cấp ý kiến cho Tòa án đối với yêu cầu xin ly hôn của chị M và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Trung N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn".

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Diễm M, xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Diễm M và anh Phạm Trung N được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2020, có đăng ký kết hôn ngày 28/02/2023 tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện CL, tỉnh Tiền Giang nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo chị M trình bày, lý do chị yêu cầu ly hôn với anh N là do sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên cải nhau, không có tiếng nói chung. Anh N thường xuyên nhậu say về chửi mắng chị, anh N không lo làm ăn để tạo kinh tế cho gia đình.

Anh N vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị M, không tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, qua đó cho thấy anh N không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau". Thế nhưng giữa chị M và anh N đã không còn tình nghĩa vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và không còn chung sống với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị M và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị M yêu cầu được ly hôn với anh N là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Chị M và anh N có 01 con chung tên Phạm Gia H, sinh ngày 13/5/2023, hiện cháu H đang sống với chị M. Khi ly hôn chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H.

Xét thấy, từ lúc chị M và anh N sống ly thân, cháu H sống chung với chị M, được chị M chăm sóc tốt, cháu H dưới 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".

Căn cứ vào quy định trên, Hội đồng xét xử giao cháu H cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Diễm Mỹ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; 228; 147 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Diễm M.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Diễm M được ly hôn với anh Phạm Trung N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Gia H, sinh ngày 13/5/2023 cho chị Lê Thị Diễm M tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Phạm Trung N được quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Diễm M phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Lê Thị Diễm M đã nộp 300.000đồng tạm ứng phí theo biên lai thu số 0002172 ngày 21/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Tiền Giang, do đó xem như đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Diễm M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Trung N có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Nhơn